

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:1296/2023/DS-ST

Ngày: 28/4/2023.

V/v: *Tranh chấp hợp đồng mua bán điện.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Chi

2/ Ông Trần Đăng Vạn

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Thu, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 783/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán điện” theo Quyết định hoãn phiên tòa số 1514/2023/QĐST-DS ngày 10/4/2023 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1515/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH.

Địa chỉ: Số 35 đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: ông Hồ L sinh năm 1978.

Địa chỉ: 647 Tỉnh lộ 43, khu phố 4, phường Tam Bình, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền số 1189/UQ-PCTĐ ngày 15/6/2022).

2. *Bị đơn:* Bà Trần Nở, sinh năm 1970.

Địa chỉ: nhà không số, đường H, phường M, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/6/2022 của Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Hồ L là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 13/6/2018, bà Trần N có ký hợp đồng mua bán điện số hợp đồng 18/011971 với Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH (gọi tắt là Công ty Điện lực) với điện kế có mã khách hàng PE12000250453 để phục vụ mục đích sinh hoạt tại địa chỉ ghi trong hợp đồng K đường H, phường M, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình giải quyết đại diện nguyên đơn xác định do nhà bà Trần

N là nhà không số nằm sát bên nhà số 136 nên trong hợp đồng ghi K là kế bên nhà số 136 để dễ nhận biết. Sau khi ký hợp đồng Công ty điện lực đã cung cấp điện cho Trần N theo hợp đồng và bà Trần N đã có quá trình sử dụng điện. Nhưng đến tháng 5, 6, 7 năm 2021 bà N không thanh toán tiền điện, cụ thể số tiền điện còn nợ là tháng 5 với số tiền: 663.054 đồng, tháng 6 với số tiền: 1.054.635 đồng, tháng 7 với số tiền: 1.054.635 đồng. Tuy nhiên, vào thời điểm tháng 7, 8 và tháng 9/2021 dịch bệnh covid bùng phát thực hiện giãn cách xã hội không thể đến trực tiếp nhà bà N để ghi chỉ số điện sử dụng nên ghi bằng chỉ số sử dụng của tháng trước liên kế với tổng hóa đơn tiền điện của tháng 8 và tháng 9 là 1.898.432 đồng.

Công ty Điện lực đã nhiều lần thông báo bà Trần N thanh toán tiền điện nhưng bà Trần N vẫn không thanh toán nên ngày 28/11/2021 Công ty Điện lực đã thông báo ngừng cung cấp điện với chi phí ngừng cung cấp điện 105.840 đồng.

Đến tháng 01/2022 bà N đã gọi đến tổng đài Điện lực phản ánh về tiền điện tháng 8, tháng 9 năm 2021. Sau khi kiểm tra thì Công ty điện lực đã hủy bỏ hóa đơn tiền điện của tháng 8 và 9 năm 2021 với số tiền 1.898.432 đồng. Đến tháng 02/2022 Công ty điện lực lập lại hóa đơn tiền điện mới của tháng 8 và 9 năm 2021 với số tiền: 1.618.547 đồng. Công ty Điện lực đã nhiều lần thông báo bà Trần N thanh toán tiền điện nhưng bà Trần N vẫn không thanh toán. Do đó, Công ty Điện lực khởi kiện yêu cầu bà Trần N thanh toán số tiền điện còn nợ và phí ngừng cung cấp điện tổng cộng là 4.496.711 đồng. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Trần N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án giải quyết vụ kiện nhưng đều vắng mặt không có lý do cũng như không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: thụ lý đúng quy định theo thẩm quyền, vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng nội dung, thành phần xét xử, đúng thời gian, địa điểm.

Về nội dung: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH khởi kiện yêu cầu bà Trần N thanh toán tiền sử dụng điện còn nợ. Tại đơn khởi kiện nguyên đơn xác định bị đơn bà Trần N có địa chỉ cư trú tại nhà không số, đường H, phường M, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo kết quả xác minh của Công an phường M xác định bà Trần N không có hộ khẩu thường trú, tạm trú và không thực tế cư trú tại địa chỉ nhà không số đường H, phường M, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại hợp đồng mua bán điện có ghi địa chỉ của bà N tại số K nhà không số, đường H, phường M, Quận 9. Như vậy, nguyên đơn đã ghi đúng đủ địa chỉ của bị đơn, việc bị đơn thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho Công ty Điện lực biết theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ vào khoản 2

Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng mua bán điện, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hồ L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Trần N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Về nội dung khởi kiện:

Bị đơn bà Trần N đã được Tòa án triệu tập đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà N vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, bà Trần N đã từ bỏ các quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt số 18/011971 ngày 13/6/2018 giữa bà Trần N và Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH, có điện kế mã khách hàng PE12000250453 địa chỉ cung cấp điện K nhà không số đường H, phường M, Quận 9 nay là thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty điện lực đã cung cấp điện cho bà Trần N theo đúng địa chỉ mà Trần N đã ký trong hợp đồng và bà Trần N đã có quá trình sử dụng điện từ khi ký hợp đồng. Quá trình sử dụng điện bà Trần N đã không thanh toán tiền điện của các tháng 5 năm 2021: 663.054 đồng, tháng 6 năm 2021: 1.054.635 đồng, tháng 7 năm 2021: 1.054.635 đồng. Tuy nhiên, vào thời điểm các tháng 7, 8, 9/2021 dịch bệnh covid bùng phát thực hiện giãn cách xã hội theo quy định. Công ty Điện lực không thể đến trực tiếp nhà bà N để ghi chỉ số điện sử dụng nên ghi bằng chỉ số sử dụng điện của tháng trước liên hệ với tổng hóa đơn tiền điện của tháng 8 và tháng 9 là 1.898.432 đồng. Công ty điện lực đã gửi thông báo yêu cầu thanh toán tiền điện nhưng bà N không thanh toán. Công ty điện lực đã thông báo ngừng cung cấp điện và đã ngừng cung cấp điện với phí ngừng cung cấp điện là 105.840 đồng.

Sau khi kiểm tra lại tiền điện tháng 8, 9 năm 2021 Công ty điện lực đã hủy bỏ hóa đơn tiền điện của tháng 8 và 9 năm 2021 để điều chỉnh lại cho đúng số tiền điện. Tháng 02/2022, Công ty điện lực lập lại hóa đơn tiền điện của tháng 8 và 9 năm 2021 với số tiền: 1.618.547 đồng. Công ty điện lực đã gửi thông báo yêu cầu thanh toán tiền điện nhưng bà N không thanh toán. Căn cứ khoản 1 Điều 23 Luật Điện lực năm 2004, khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Điện lực năm 2012. Công ty Điện lực yêu cầu bà Trần N phải thanh toán số tiền điện còn nợ và chi phí ngừng cung cấp điện tổng cộng: 4.496.711 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn bà Trần N phải chịu theo quy định.

Nguyên đơn Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 46 Luật Điện lực năm 2004, khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Điện lực năm 2012.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH.

Buộc bà Trần N thanh toán cho Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH tổng số tiền nợ 4.496.711 đồng, trong đó tiền sử dụng điện còn nợ: 4.390.871 đồng và phí ngừng cung cấp điện: 105.840 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm: bà Trần N phải nộp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức.

Trả lại cho Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2021/0028792 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDTP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Nhung

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồigiờ.....phút, ngày 10 tháng 4 năm 2023.

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử với thành phần gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Nhung

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đăng Vạn
2. Bà Nguyễn Thị Chi

Tiến hành nghị án về vụ án dân sự thụ lý số 1034/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa:

1. *Nguyên đơn*: Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH.

Địa chỉ: Số 35 đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: ông Hồ Phú Lợi, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 647 Tỉnh lộ 43, khu phố 4, phường Tam Bình, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền số 1189/UQ-PCTĐ ngày 15/6/2022).

2. *Bị đơn*: Bà Trần Thị Nở, sinh năm 1970.

Địa chỉ: nhà không số, đường Hàng Tre, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Hội đồng xét xử thảo luận thống nhất biểu quyết với tỷ lệ 3/3 những vấn đề sau:

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Trần Thị Nở vắng mặt lần thứ nhất không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 233, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, thời gian mở lại phiên tòa vào lúc 08 giờ 30 phút, ngày 28/4/2023.

Nghị án kết thúc vào hồi....giờ....phút, ngày 10 tháng 4 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Chi

Trần Đăng Vạn

Phạm Ngọc Nhung

